**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN NG**
**TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST
Ngày 11- 8 -2021.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH K

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

**Thẩm phán** – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

**Các Hội thẩm nhân dân**: Bà Hoàng Thị Hòa; Ông Nguyễn Văn Thủy.

**Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K tham gia phiên tòa**: Ông Mai Văn Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST – HS ngày 22 - 7- 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HS ngày 30 - 7- 2021 đối với các bị cáo:

1. A S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22/12/2003 tại tỉnh K. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khối 4 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K ; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A X và bà Y Th; Chưa có vợ con; Anh chị em ruột có hai người, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã từ ngày 11/5/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. A Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11/5/2002 tại tỉnh K. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đắk R, xã P, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Rơ Ngao (Ba na); Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Tr và bà Y D; Chưa có vợ con; Anh chị em ruột có bốn người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Tiền sự: không; Tiền án: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 07/8/2018 bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính với hình thức là cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 03/5/2020 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 24/12/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 05 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 01/7/2021. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người giám hộ** cho bị cáo A S: Ông Lại Thế Điệp – Bí thư đoàn xã Đắk Xú, huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum.

- **Người bào chữa** cho bị cáo A S: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum.

- **Người bị hại:** Chị Nông Thị Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 7 thị trấn P, huyện Ng tỉnh K.

- **Người làm chứng:** Anh A H và chị Y V; Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K. (do dịch covid - 19 nên không triệu tập)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 26/4/2020, A S với A Đ, sau khi đi chơi cùng nhau tại xã Đ, huyện Ng. A S rủ A Đ trộm cắp xe mô tô làm phương tiện để đi chơi thì A Đ đồng ý. Hai bị cáo đi bộ theo đường rẫy từ xã Đ về xã Đ, Ng, vừa đi vừa tìm xe của người dân để ở ven đường trên rẫy để trộm cắp. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến rẫy cao su thuộc thôn N xã Đ, huyện Ng thì A Đ nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 82E1 – 087.96 của chị Nông Thị Đ để trong lô cao su, A Đ chỉ cho A S biết và cả hai thống nhất sẽ trộm cắp xe mô tô này. A S dùng tay giật, phá để mở cốp dưới yên xe, trong cốp xe có một túi vải đựng đăng ký xe mô tô và nhiều giấy tờ khác. A S chỉ lấy giấy đăng ký xe mô tô còn túi và các giấy tờ khác vứt lại chỗ để xe . A S dắt xe đi và ngồi lên xe thả trôi xuống dốc, không nổ máy, đi khoảng 100m thì dừng lại. Lúc này A Đ đi bộ theo sau đến chỗ A S dựng xe, S dùng tay giật dây điện ở đầu xe và cổ xe rồi đấu nối lại , trong lúc A S đấu dây điện thì A Đ đứng cạnh A S để cảnh giới xem có người khác phát hiện hay không. A S khởi động xe mô tô, nổ máy và ngồi phía trước chở A Đ ngồi phía sau, đi khỏi hiện trường, trên đường đi A S rủ A Đ đến nhà chị gái của A S là Y V ở thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K chơi, A Đ đồng ý nên A s chở A Đ đi qua cầu treo thôn 7 thị trấn P, huyện Ng, chạy qua huyện Đ để đến nhà chị Y V chơi. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì đến nơi, cả hai bị cáo ngồi uống rượu với anh A H là chồng chị Y V, đến 22 giờ 30 phút cùng ngày thì A S chở A Đ về huyện Đ, trên đường đi về bị tai nạn giao thông, cả hai bị cáo được đưa đi cấp cứu, sau khi điều trị cả hai bị cáo bỏ trốn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 248/KLHĐ ngày 05/6/2020 của hội đồng

định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Ng kết luận giá trị tài sản là chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 82E1 – 087.96; Số máy I FC 3075412, số khung RLCS1FC30EY075414, các bị cáo trộm cắp tại rẫy nhà chị Nông Thị Đ, giá trị là 8.700.000đồng *(tám triệu, bảy trăm nghìn đồng)*

Tại bản cáo trạng số: 29/CT - VKS ngày 20 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đã truy tố các bị cáo A S và A Đ về tội: " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tình tiết tăng nặng " *xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội"* đối với bị cáo A S quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52, cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ 'thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", " phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo A S từ 07 (bảy) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, xử phạt bị cáo A Đ từ 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam; buộc các bị cáo phải nộp án phí; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa các bị cáo A S và A Đ thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo cùng nhất trí với bản kết luận định giá tài sản số 248/KLHĐ ngày 05/6/2020 của hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Ng. Giá trị tài sản trộm cắp là 8.700.000đồng *(tám triệu,bảy trăm nghìn đồng).*

- Người giám hộ cho bị cáo A s: Ông Lại Thế Điệp trình bày: Tôi được cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định giám hộ cho bị cáo A s, trong quá trình giám hộ, các cơ quan tiến hành tố tụng đã làm đúng chức năng của mình.

- Người bào chữa cho bị cáo A S: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng trình bày: Về tội danh mà vị đại diện VKS đề nghị đối với bị cáo S là hợp lý. Về tình tiết tăng nặng, do bị cáo Sỹ chỉ nói: mình đi trộm xe để lấy phương tiện đi lại, thì bị cáo Đại đồng ý, trong trường hợp này chỉ là khởi xướng, nên đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo A S vì chiếc xe đã được trả lại cho bị hại, mặt khác hoàn cảnh sống của bị cáo S đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt cho bị cáo A S được hưởng mức án thấp nhất là 06 tháng tù là đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

- Người bị hại là chị Nông Thị Đ: Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và chị đã nhận lại xe, giấy tờ xe cùng các loại giấy tờ mà các bị cáo vứt lại, chị cũng nhất trí với bản kết luận định giá tài sản số 248/KLHĐ ngày 05/6/2020 của hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Ng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 8.700.000đồng *(tám triệu, bảy trăm nghìn đồng)*. Về trách nhiệm hình sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử, áp dụng hình phạt đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Những người làm chứng trình bày tại hồ sơ vụ án: Các tình tiết, nội dung vụ án đúng như cáo trạng đã truy tố.

- Lời nói sau cùng của bị cáo A S: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, xin hứa không bao giờ phạm tội nữa, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

-Lời nói sau cùng của bị cáo A Đ: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, thấy hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo A S và A Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, cho thấy khoảng 08 giờ ngày 26/4/2020, A s với A Đ sau khi đi chơi cùng nhau tại xã Đ, huyện Ng. A S rủ A Đ trộm cắp xe mô tô thì A Đ đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến rẫy cao su thuộc thôn N xã Đ, huyện Ng thì A Đ nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 82E1 – 087.96 của chị Nông Thị Đ để trong lô cao su, A Đ chỉ cho A s biết và cả hai thống nhất sẽ trộm cắp xe mô tô này. A S dùng tay giật, phá để mở cốp dưới yên xe, trong cốp xe có một túi vải đựng đăng ký xe mô tô và nhiều giấy

tờ khác. A S chỉ lấy giấy đăng ký xe mô tô còn túi và các giấy tờ khác vứt lại chỗ để xe. A S dắt xe đi và ngồi lên xe thả trôi xuống dốc, không nổ máy, đi khoảng 100m thì dừng lại. Lúc này A Đ đi bộ theo sau đến chỗ A S dựng xe, S dùng tay giật dây điện ở đầu xe và cổ xe rồi đấu nối lại, trong lúc A S đấu dây điện thì A Đ đứng cạnh A S để cảnh giới xem có người khác phát hiện hay không. A S khởi động xe mô tô, nổ máy và ngồi phía trước chở A Đ ngồi phía sau, đi khỏi hiện trường, trên đường đi A S rủ A Đ đến nhà chị gái của A S là Y V ở thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh K chơi, khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì đến nơi, đến 22 giờ 30 phút cùng ngày thì A S chở A Đ về huyện Đ, trên đường đi về bị tai nạn giao thông, cả hai bị cáo được đưa đi cấp cứu, sau khi điều trị cả hai bị cáo bỏ trốn. Giá trị chiếc xe mà Svà Đ trộm cắp là 8.700.000 đ *(tám triệu, bảy trăm nghìn đồng)*.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo thể hiện lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của công dân. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính đồng phạm giản đơn cùng thực hiện một tội phạm, nên cùng phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả của hành vi mà cả hai bị cáo thực hiện, như vậy tội phạm đã hoàn thành, từ khi dắt xe khỏi vị trí ban đầu. hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ ít nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Chính vì vậy các bị cáo bị viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K truy tố về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo S có một tình tiết tăng nặng: " *xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội*" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử, các bị cáo thể hiện "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", " bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng".Vì vậy cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về áp dụng hình phạt: Căn cứ vào động cơ, mục đích, hành vi nguy hiểm cho xã hội của các bị cáo, mức độ phạm tội. Xét thấy:

Đối với bị cáo A S: Khi phạm tội bị cáo ở độ tuổi 16 tuổi 05 tháng 04 ngày, nên bị cáo là vị thành niên phạm tội, tuy bị cáo ở độ tuổi vị thành niên nhưng bị cáo đã có hành vi rủ rê bị báo A Đ cũng là vị thành niên phạm tội, được coi là xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội, khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo là người trực tiếp dắt xe,

giật cốp xe để lấy giấy tờ, đấu nối dây điện để nổ máy và điều khiển xe sau đó bị bắt theo lệnh truy nã.

Đối với bị cáo A Đ: Khi phạm tội bị cáo ở độ tuổi 17 tuổi 11 tháng 15 ngày, nhưng đến khi điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã đủ 18 tuổi, nên về thủ tục tố tụng hình sự không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, nhưng về chính sách hình sự vẫn áp dụng đối với bị cáo là vị thành niên phạm tội. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và bị Tòa án huyện Đ, tỉnh K xử phạt 05 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản.

Hành vi của các bị cáo thể hiện tính táo tợn trộm cắp giữa ban ngày, xét về nhân thân, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo, do đó cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo vì các biện pháp khác sẽ không đủ răn đe, phòng ngừa, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên cần áp dụng các điều luật của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về điều luật, hình phạt tù giam và mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nên áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo, riêng bị cáo A S cần áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi của từng bị cáo với đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[5] **Về hình phạt bổ sung:** Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[6] **Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo A Sỹ**: Về tội danh người bào chữa đề nghị đối với bị cáo Sỹ là hợp lý có cơ sở để chấp nhận. Về đề nghị của người bào chữa không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 và đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo A S, mặt khác hoàn cảnh sống của bị cáo S đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt cho bị cáo A S được hưởng mức án thấp nhất là 06 tháng tù thì không có cơ sở để chấp nhận.

[7] **Về xử lý vật chứng**: Chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 82E1 – 087.96; Số máy I FC 3075412, số khung RLCS1FC30EY075414, và một giấy đăng ký xe mang tên chị Nông Thị Đ Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ng đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nông Thị Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] **Về trách nhiệm dân sự**: Chị Nông Thị Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đối với anh A H và chị Y V, không hề biết về hành vi trộm cắp của hai bị cáo nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh A H và chị Y V là có cơ sở**.**

[10] **Về án phí**: Buộc bị cáo A Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, đối với bị cáo A S tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên***,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1.Tuyên bố bị cáo A S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt A S 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt theo lệnh truy nã (11/5/2021).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

2.Tuyên bố bị cáo A Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt A Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt theo lệnh tạm giữ, tạm giam (01/7/2021).

Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 3 Điều 21và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Về án phí**: Buộc bị cáo A Đ, phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), bị cáo A S tự nguyện nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo**: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2021), Chị Nông Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- Các bị cáo;
- Người bị hại
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.